

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: Đất Việt Nam và đất thế giới (Vietnamese soils and world soils).**

- Mã số học phần : NN546E
- Số tín chỉ học phần : 2 tín chỉ
- Số tiết học phần : 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực tập

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Khoa : Khoa học Đất
- Trường: Nông nghiệp

**3. Điều kiện:**

Điều kiện song hành: không

**4. Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	<b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nắm vững nguồn gốc hình thành các nhóm đất ở Việt Nam.</li><li>- Nhận biết các thành phần và tính chất cơ bản của các nhóm đất.</li><li>- Biết được cách sử dụng đất và các yếu tố giới hạn trên các nhóm đất.</li></ul>	2.1.2c 2.1.3b 2.1.3c
4.2	<b>-Kỹ năng cứng:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận diện các đặc điểm về hình thái phẫu diện, liên hệ đến tên nhóm đất và đặc điểm hình thành.</li><li>- Nhận biết được hình thái phẫu diện và tên đất, yếu tố môi trường và khả năng sản xuất, sử dụng đất.</li><li>- Có khả năng xử lý thông tin, giao tiếp, chia sẻ, phản biện về vấn đề có liên quan đến môn học.</li></ul>	2.2.1.a 2.2.1.b 2.2.2.c
4.3	<b>Kỹ năng mềm:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm</li><li>- Biết phương pháp thuyết trình vấn đề liên quan đến môn học</li><li>- Biết phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế phù hợp với tình hình thực tiễn sản xuất nông nghiệp.</li><li>- Biết phương pháp tiếp cận và nghiên cứu liên quan đến lãnh vực của môn học</li></ul>	2.2.2.a 2.2.2.b



4.4	<p><b>Thái độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.</li> <li>- Có thái độ cầu tiến và vượt khó, có phương pháp tiếp cận và phong cách làm việc khoa học.</li> <li>- Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo để phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành nông nghiệp.</li> <li>- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.</li> <li>- Thực hành việc học suốt đời, luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử và xử lý phù hợp và hiệu quả.</li> </ul>	2.3
-----	--	-----

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần

<b>CĐR HP</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>CĐR CTĐT</b>
	<b>Kiến thức</b>		
CO1	Biết phân biệt, nhận diện các nhóm đất, đặc biệt là các nhóm chính ở Việt Nam.	4.1	2.1.2c 2.1.3b 2.1.3c
CO2	Nhận thức được tài nguyên đất là sản phẩm của tự nhiên, mỗi nhóm đất mang tính chất đặc trưng về hình thái, tính chất và do đó quyết định đến việc sử dụng đất.	4.1	2.1.2c 2.1.3b 2.1.3c
	<b>Kỹ năng</b>		
CO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng kiến thức tổng hợp để sử dụng và cải tạo đất, từ đó có thể làm thay đổi môi trường đất, nâng cao độ phì nhiêu đất và năng suất cây trồng</li> <li>- Nhận thức được việc sử dụng và cải tạo đất không phù hợp cũng làm giảm sút tính đa dạng sinh học và độ phì nhiêu sẵn có của một số loại đất.</li> </ul>	4.2	2.2.1.a 2.2.1.b 2.2.2.c
CO4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng học tập độc lập cũng như kỹ năng làm việc nhóm.</li> <li>- Có khả năng tự nghiên cứu liên quan đến các loại đất ở Việt Nam.</li> <li>- Biết cách tra cứu và tìm tài liệu phục vụ môn học</li> <li>- Thành thạo sử dụng trợ huấn cụ trong báo cáo và thuyết trình môn học</li> </ul>	4.3	2.2.2.a 2.2.2.b
	<b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
CO5	Có ý thức trách nhiệm đối với môn học và đối với lớp	4.4	2.3



<b>CDR HP</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>CDR CTĐT</b>
	<b>Kiến thức</b>		
	học - Có thái độ, đạo đức đúng mực đối với cán bộ phụ trách giảng dạy cũng như đối với các bạn sinh viên cùng lớp - Đi học đúng giờ theo qui định của cán bộ giảng dạy		

## **6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học sẽ giới thiệu nguồn gốc, tiến trình hình thành đất, đặc điểm hình thái, tính chất, cách quản lý và sử dụng các nhóm đất ở Việt Nam do bồi tụ phù sa, phù sa biển và phong hóa tại chỗ được thành tạo theo điều kiện địa hình hoặc theo các miền khí hậu: ẩm đến bán ẩm ướt, từ khô hạn đến bán khô hạn.

## **7. Cấu trúc học phần:**

### **7.1. Lý thuyết**

	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>CDR HP</b>
<b>Chương 1.</b>	<b>Nhóm thành tạo do bồi tụ phù sa sông và tính chất</b>	<b>5</b>	4.1; 4.2; 4.3; 4.4
1.1	Giới thiệu Bảng phân loại đất Việt Nam tương ứng tên phân loại theo FAO-UNESCO		CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
1.2	Đất phù sa		
1.3	Đất phèn		
1.4	Đất nhiễm mặn		
1.5	Đất gley		
1.6	Đất than bùn		
<b>Chương 2.</b>	<b>Nhóm thành tạo do phù sa biển và phong hóa tại chỗ</b>	<b>3</b>	4.1; 4.2; 4.3; 4.4
2.1	Đất cát		CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
2.2	Đất podzolic		
2.3	Đất xám		
<b>Chương 3</b>	<b>Nhóm đất thành tạo theo địa mạo</b>	<b>3</b>	

3.1	Đất hữu cơ		
3.2	Đất nhân tác		
3.3	Đất thành tạo trên mẫu chất		
<b>Chương 4.</b>	<b>Nhóm đất khoáng thành tạo do địa hình</b>	<b>3</b>	
4.1	Đất trung thấp Tính chất Fluvisols và Gleysols		4.1; 4.2; 4.3; 4.4
4.2	Đất cao nguyên Tính chất Leptosols và Regosols		CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
<b>Chương 5.</b>	<b>Nhóm đất khoáng thành tạo do khí hậu nhiệt đới ẩm và bán ẩm</b>	<b>3</b>	4.1; 4.2; 4.3; 4.4
5.1	Đất khoáng thành tạo do khí hậu nhiệt đới ẩm Plinthosols, Ferralsols, Acrisols, Lixisols		CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
5.2	Đất khoáng thành tạo do khí hậu nhiệt đới bán ẩm Podzols, Planosols, Albeluvisols, Luvisols, Umbrisols		
<b>Chương 6</b>	<b>Nhóm đất khoáng thành tạo do khí hậu thảo nguyên và bán khô hạn</b>	<b>3</b>	4.1; 4.2; 4.3; 4.4
6.1.	Đất khoáng thành tạo do khí hậu thảo nguyên Chernozems, Kastanozems, Phaeozems		CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
6.2	Đất khoáng thành tạo do khí hậu bán khô hạn Solonchaks, Solonetz, Gypsisols, Durisols, Calcisols		

## 7.2. Thực hành: 20 tiết

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
<b>Bài 1.</b>	Xác định các tầng chuẩn đoán chính các nhóm đất ở Việt Nam.	5	4.1; 4.2; 4.3
<b>Bài 2.</b>	Xác định các đặc tính, vật liệu chuẩn đoán chính các nhóm đất ở Việt Nam.	5	4.1; 4.2; 4.3
<b>Bài 3.</b>	Phân loại các nhóm đất chính ở VN theo FAO-WRB	5	4.1; 4.2; 4.3



	dựa vào hình thái phẫu diện đất và số liệu phân tích.		
<b>Bài 4.</b>	Xác định một số đặc tính đất bằng cảm quan các nhóm đất ở Việt Nam.	5	4.1; 4.2; 4.3; 4.4

### 8. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp thuyết giảng.
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp sử dụng sách giáo khoa, tra cứu tài liệu
- Phương pháp báo cáo seminar
- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp sử dụng trợ huấn cụ trong báo cáo
- Phương pháp làm bài tập dự án

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 85% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự đầy đủ các buổi báo cáo seminar.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	(20 tiết lý thuyết tính luôn seminar)/tổng số tiết	5%	4.3
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao (3/4 tổng số bài tập được giao)	5%	4.1; 4.2; 4.3
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo, - Được nhóm xác nhận có tham gia	10%	4.2; 4.3.
4	Điểm thực tập	- Nhiệt tình, có ý thức, kỹ xảo thực hành - Tham gia đóng góp ý kiến trong buổi báo cáo - Tham gia 100% số giờ thực tập	30%	4.1; 4.2; 4.3
5	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 85% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1; 4.2; 4.3; 4.4

#### 10.2. Cách tính điểm

Điểm số (thang điểm 10)	Điểm chữ	Thang điểm 4
+ Từ 9 đến 10	A	4,0

+ Từ 8 đến 8,9	B+	3,5
+ Từ 7 đến 7,9	B	3,0
+ Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
+ Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
+ Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
+ Từ 4 đến 4,9	D	1,0
+ Dưới 4	F	0,0

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.



**11. Tài liệu học tập:**

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] The nature and properties of soils / Ray R. Weil, Nyle C. Brady.- 19 th ed.- Columbus: Pearson, 2017.- xvii, 1086 p.: ill.; 28 cm, 9780133254488.- 631.4/ W422	NN.018196 NN.018197
[2] Võ Quang Minh (chủ biên). 2012 . Giáo trình Nguồn gốc, phân loại, khảo sát, lập bản đồ. Nhà xuất bản trường đại học Cần Thơ	MON.043877, MON.043878, MON.043879
[3] Đất Việt Nam / Hội khoa học đất Việt Nam.- Hà Nội: Nông Nghiệp, 2000.- 412tr; 27cm.- 631.4/ Đ124	NN000098 NN000099

**12. Hướng dẫn sinh viên tự học:**

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1-3	<b>Chương 1: Nhóm thành tạo do bồi tụ phù sa sông và tính chất</b>	5	0	Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1] + Tài liệu [3]
4-5	<b>Chương 2: Nhóm thành tạo do phù sa biển và phong hóa tại chỗ</b>	3	5	Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1] + Tài liệu [3]
5-6	<b>Chương 3: Nhóm đất thành tạo theo địa mạo</b>	3	...	Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1] + Tài liệu [3]
7-8	<b>Chương 4: Nhóm đất khoáng thành tạo do địa hình</b>	3	...	Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1] + Tài liệu [3]
8-9	<b>Chương 5: Nhóm đất khoáng thành tạo do khí hậu nhiệt đới ẩm và bán ẩm</b>	3		Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1] + Tài liệu [3]
10-11	<b>Chương 6: Nhóm đất khoáng thành tạo do khí hậu thảo nguyên và bán khô hạn</b>	3		Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1] + Tài liệu [3]
12-13	Seminar			Nội dung báo cáo liên quan đến +Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3]
14	<b>Ôn tập</b>			

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
15	Thi kết thúc học phần			

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCT  
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG  
  
Lê Văn Vàng

Cần Thơ, ngày 7 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

Trần Văn Dũng